

KINH TĂNG CHI BỘ



Chương Sáu Pháp Phẩm Dhammika (Dhammikavagga)

HT Thích Minh Châu dịch Việt
từ Kinh Tạng tiếng Pali



DAOPHATGOC.COM

[NGHE SÁCH NÓI](#) - [XEM YOUTUBE](#)

KINH TĂNG CHI BỘ

Chương Sáu Pháp

Phẩm Dhammika

(Dhammikavagga)

(I) (43) Con Voi

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvavatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvavatthi để khát thực. Khát thực ở Sāvavatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Ngài gọi Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Đông Viên, giảng đường Mẹ của Migāra để nghỉ trưa.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ananda đi đến Đông Viên, chỗ giảng đường Mẹ của Migāra. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, gọi Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pubbakotthaka để rửa tay rửa chân.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ananda đi đến Pubbakotthaka để rửa tay rửa chân. Sau khi rửa tay rửa chân ở Pubbakotthaka xong, Thế Tôn lên đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô.

2. Lúc bấy giờ, Seta, con voi của vua Pasenadi nước Kosala, từ Pubbokattthaka đi ra, với nhiều tiếng các loại trống và nhạc lớn tiếng, dân chúng thấy vậy liền nói: “Ôi đẹp đẽ thay, thưa các Ngài, con voi của vua! Đáng nhìn thay, thưa các Ngài, con voi của vua! Thoải mái thay, thưa các Ngài, con voi của vua! Thân thể đầy đủ thay, thưa các Ngài, là con voi của vua! Con voi, thưa các Ngài, thật xứng đáng là con voi!” Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Udāyī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, quần chúng, do thấy con voi to lớn, đồ sộ, thân thể đầy đà nói như sau: “Con voi, thưa các Ngài, thật xứng đáng là con voi! “. Hay là thấy một

cái gì khác to lớn, đồ sộ, thân thể đầy đà nên họ nói như vậy: “Con voi, thưa các Ngài, thật xứng đáng là con voi!”

– Nay Udàyi, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ, thân thể đầy đà nên nói như sau: “Con voi, thưa các Ngài thật xứng đáng là con voi! “

Này Udàyi, thấy con ngựa... Này Udàyi, thấy con bò... Này Udàyi, thấy con rắn... Này Udàyi, thấy cây... này Udàyi thấy con người to lớn, đồ sộ, với thân thể đầy đà nên nói như sau: “Con voi, thưa các Ngài, thật xứng đáng là con voi! “Nhưng Ta tuyên bố rằng, này Udàyi, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, ai không phạm một tội về thân, về lời, về ý nghĩ, người ấy Ta nói rằng: “Người ấy là con voi”.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn. Thế Tôn đã khéo nói như sau: “Này Udàyi, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, ai không phạm một tội về thân, về lời, về ý, người ấy Ta nói rằng: “Người ấy là con voi””.

Bạch Thế Tôn, lời nói tốt đẹp này của Thế Tôn, con xin tùy hỷ với những câu kệ như sau:

*Là con người tự giác,
Tự nhiếp phục, được định,
Đang đi đường Phạm thiên,
Tâm tịnh tín, hoan hỷ,
Cùng tận tất cả Pháp,
Vị ấy, loài người kính,
Vị ấy, chư thiên trọng.
Vị ấy, con được nghe,
Là bậc A-la-hán.
Mọi kiết sử vượt qua,
Thoát rình, đến Niết-bàn,
Hoan hỷ sống an ổn,
Rời khỏi các dục vọng,
Như vàng thoát đá sỏi.
Voi ấy rực chói sáng,
Chiếu sáng khắp tất cả,*

Như ngọn núi Tuyết sơn,
Cao hơn mọi núi đá.
Vị đạt chân, vô thượng,
Vượt tất cả loài voi,
Ta sẽ khen vị voi,
Không làm các tội phạm,
Nhu hòa và thất bại,
Là hai bàn chân trước,
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là hai bàn chân sau.
Lòng tin là vôi voi,
Trú xả đôi ngà trắng,
Niệm là cổ của voi.
Nếu có suy tư gì
Là suy tư Chánh pháp
Bụng là chỗ chứa pháp,
Đuôi là sống viễn ly,
Vị ấy tu Thiền định,
Hoan hỷ trong hơi thở,
Với nội tâm định tĩnh,
Khéo định tâm Thiền định.
Voi đi là hành Thiền,
Voi đứng là hành Thiền,
Voi nằm là hành Thiền,
Voi ngồi là hành Thiền
Voi hộ trì tất cả,
Đây viên mãn của voi.
Voi ăn, không phạm lỗi,
Có phạm lỗi không ăn.
Nhận được cơm và áo,
Quyết từ bỏ chất chứa,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Cắt đứt mọi trói buộc.
Chỗ nào vị ấy đi,
Vị ấy đi không cầu
Giống như bông hoa sen,
Sanh và lớn trong nước,

*Không bị nước uế nhiễm,
Hương thơm đẹp ý người.
Cũng vậy là đức Phật,
Khéo sanh, vượt khỏi đời,
Không bị đời uế nhiễm,
Như sen không dính nước,
Như lửa lớn cháy đỏ,
Không nhiên liệu, tự tắt,
Ai lắng dịu các hành,
Được gọi bậc Tịch tịnh.
Ví dụ này nhiều nghĩa,
Do bậc trí thuyết giảng
Bậc voi lớn được biết
Lấy voi dạy cho voi.
Bậc ly tham, ly sân,
Ly si, không lậu hoặc,
Voi này từ bỏ thân,
Nhập diệt, không lậu hoặc.*

(II) (44) Migasàlà

1. Rồi Tôn giả Ananda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ tu sĩ Migasàlà; sau khi đến, ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ Migasàlà thưa với Tôn giả Ananda:

2.- Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ananda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): “Cả hai sống Phạm hạnh và sống không phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai?” Puràna, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Dự lưu sanh với thân ở Tusitā (Đâu-suất)”. Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusitā”. Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ananda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): “Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai”?

– Nay Chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

3. Tôn giả Ananda sau khi nhận đồ ăn khát thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasàlà, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Rồi Tôn giả Ananda, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasàlà, sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Nữ cư sĩ Migasàlà đi đến con, sau khi đến, đánh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Migasàlà thưa với con: “Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ananda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): “Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai”. Puràna thân phụ con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusitā”. Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusitā”. Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ananda, cần phải hiểu pháp này do Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai”? “Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con nói với nữ cư sĩ Migasàlà: “Này Chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn”.

– Nhưng này Ananda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các người? Này Ananda, có sáu hạng người có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là sáu?

4.- Ở đây, này Ananda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị ấy nghe Pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập vào tri kiến, không chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi về thù thắng.

5. Ở đây, này Ananda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị ấy nghe Pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập vào tri kiến, có chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi về thối đạo. Ở đây, này Ananda, những kẻ đo lường đo lường như sau: “Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy; làm sao trong những hạng người này, có người hạ liệt, có người là thắng diệu? Và do sự đo lường ấy, này Ananda, đối với những người đo lường

là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài. Ở đây, này Ananda, hạng người này, khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ananda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. Vì có sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ananda, chớ có là người đo lường các hạng người. Chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ananada, tự đào hố cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có ta, này Ananda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người, hay là người như Ta.

6. Ở đây, này Ananda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi về thù thắng.

7. Ở đây, này Ananda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, có chứng được thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo...

8. Nhưng ở đây, này Ananda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi đến thù thắng.

9. Ở đây, này Ananda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên. Với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo. Ở đây, Này Ananda, những kẻ đo lường đo lường như sau: “Những pháp ấy của vị này là như vậy; những pháp ấy của vị kia là như vậy. Làm sao trong những hạng người là hạ liệt, cò người là thắng diệu?” Và sự đo lường ấy, này Ananda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài.

Ở đây, này Ananda, hạng người này khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ananda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. Vì có sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ananda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ananda, tự đào hồ cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ananda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người này hay là người như Ta.

Và này Ananda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể biết sự thắng liệt giữa các người? Này Ananda, có sáu hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Giới như thế nào, này Ananda, Puràna được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu. Do vậy ở đây, Puràna có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta. Tuệ như thế nào, này Ananda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Puràna chưa thành tựu. Do vậy ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Puràna. Như vậy, này Ananda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần.

(III) (45) Nghèo Khổ

1. – Sự nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người khổ không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ, mắc nợ ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời. Tiền lời, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu phải chấp nhận tiền lời, và khi thời hạn đến, không trả được tiền lời, người ta

hối thúc, đốc thúc người ấy. Sự thôi thúc, đốc thúc, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị hối thúc, không trả được, người ta theo sát gót truy tìm người ấy. Bị theo sát gót, bị truy tìm, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị theo sát gót, bị truy tìm, không trả nợ được, người ta bắt trói người ấy. Sự bắt trói, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy, nghèo khổ là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; mắc nợ cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; tiền lời cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị hối thúc, đốc thúc cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị theo sát gót, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị bắt trói cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Luật của bậc Thánh.

2. Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp, làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý nghĩ. Ta gọi người ấy là người mắc nợ. Người ấy do nhân che giấu thân ác hạnh, khởi lên ác dục, muốn rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, suy nghĩ rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, nói rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”. Người ấy, do nhân che giấu ác hạnh về

lời... ác hạnh về ý, khởi lên ác dục, muốn rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, suy nghĩ rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, Nói rằng : “Mong rằng không ai biết ta làm”, cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”. Đây Ta gọi rằng: “Tiền lời gia tăng”. Và các đồng Phạm hạnh thuần thành nói về người ấy như sau: “Tôn giả này có làm như vậy, có sở hành như vậy”. Đây Ta nói rằng, người ấy bị hối thúc, đốc thúc, rồi đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, các ác bất thiện tâm, câu hữu với hối lỗi hiện hành. Đây Ta gọi là bị theo sát gót, bị truy tìm.

3. Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi làm ác hạnh về thân, sau khi làm ác hạnh về lời, sau khi làm ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, bị trói buộc trong trói buộc của Địa ngục, bị trói buộc trong trói buộc của loài bàng sanh. Và này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một trói buộc nào khác lại khắc nghiệt như vậy, lại ác liệt như vậy, lại làm chướng ngại như vậy cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này các Tỷ-kheo, giống như sự trói buộc Địa ngục hay sự trói buộc các loài bàng sanh.

*Nghèo khổ và mắc nợ,
Được gọi khổ ở đời!
Kẻ bần cùng mắc nợ,
Thọ dụng, bị tổn hại,
Rồi bị người truy lùng,
Cho đến bị trói buộc.
Trói buộc vậy là khổ,
Cho người cầu được dục.
Như vậy trong Luật Thánh,
Ai sống không lòng tin,
Không xấu hổ, sợ hãi,
Quyết định chọn ác nghiệp.
Sau khi làm ác hạnh,
Về thân, lời và ý.
Lại mong muốn được rằng:
“Chớ ai biết ta làm”.
Người ấy khéo che giấu,
Với thân, lời và ý,
Làm tăng trưởng ác nghiệp,
Tại đây, đó, làm nữa.*

Người ác tuệ, ác nghiệp,
Biết việc ác mình làm,
Như kẻ nghèo mắc nợ,
Thọ dụng, bị tổn hại.
Những tư tưởng khổ đau
Sanh ra từ hồi hận
Vẫn truy tìm người ấy,
Ở làng hoặc ở rừng.
Người ác nghiệp, ác tuệ,
Biết việc ác mình làm,
Hoặc rơi vào bàng sanh,
Hoặc bị trói Địa ngục.
Trói buộc này là khổ.
Bậc trí được giải thoát,
Ai tâm tịnh bố thí,
Với vật dụng đúng pháp,
Gieo cầu may hai đường,
Tín tại gia tìm cầu,
Hiện tại được hạnh phúc,
Đời sau được an lạc.
Như vậy tại gia thí,
Tăng trưởng các công đức.
Như vậy trong Luật Thánh
Tín tâm được an trú.
Có xấu hổ, sợ hãi,
Có trí, bảo hộ giới,
Bậc ấy, trong Luật Thánh,
Được gọi: “Sống an lạc”.
Được lạc không vật chất,
An trú trên tánh xả.
Từ bỏ năm triền cái,
Thường siêng năng, tinh cần,
Chứng Thiền định, nhứt tâm,
Thận trọng, giữ chánh niệm.
Biết như thật là vậy,
Đoạn diệt mọi kiết sử,
Hoàn toàn không chấp thủ,

*Chơn chánh, tâm giải thoát,
Với chánh giải thoát ấy,
Nếu trí như vậy khởi:
“Bất động ta giải thoát,
Đoạn diệt hữu kiết sử”.
Trí này, trí tối thượng,
Lạc này, lạc vô thượng,
Không sâu, không trần cấu,
Được an ổn, (giải thoát),
Trạng thái không nợ này,
Được xem là tối thượng.*

(IV) (46) Mahàcunda

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Mahàcunda trú ở Ceti, tại Sahajàti. Tại đây, Tôn giả Mahàcunda gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàcunda. Tôn giả Mahàcunda nói như sau:

2. – Ở đây, này chư Hiền, một số Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp không ưa thích các Tỷ-kheo tu Thiền, nói như sau: “Các người này nói: ‘Chúng tôi tu Thiền, chúng tôi tu Thiền’. Họ tu Thiền, họ hành Thiền. Những người này Thiền cái gì? Những người này Thiền có lợi ích gì? Những người này Thiền như thế nào? ”. Ở đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp không hoan hỷ, và các Tỷ-kheo tu Thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

3. Ở đây, này chư Hiền, một số Tỷ-kheo tu thiền không ưa thích các Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp, nói như sau: “Các người này nói: ‘Chúng tôi chuyên tâm về Pháp, chúng tôi chuyên tâm về Pháp’. Họ tháo động, kiêu căng, dao động, lấm mồm, lấm miệng, lấm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Những người này chuyên tâm về Pháp cái gì? Những người này chuyên tâm về Pháp có lợi ích gì? Những người này chuyên tâm về Pháp như thế nào? ”. Ở đây, này các Tỷ-kheo tu Thiền không có hoan hỷ, và

các Tỷ-kheo, chuyên tu về Pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

4. Nhưng ở đây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp, chỉ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp, không tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền. Và ở đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp không được hoan hỷ; các Tỷ-kheo tu Thiền không được hoan hỷ. Hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

5. Nhưng ở đây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo tu Thiền chỉ tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền, không tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp. Và ở đây, các Tỷ-kheo tu Thiền không được hoan hỷ; các Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp không được hoan hỷ. Sở hành như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài người.

6. Do vậy, này chư Hiền, cần phải học tập như sau:

“Chúng ta là những người chuyên tâm về Pháp, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền “. Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì có sao? Thật vậy, này chư Hiền, các người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người cảm giác bất tử giới với thân và an trú.

7. Do vậy, này chư Hiền, cần phải học tập như sau:

“Chúng ta là những người tu thiền, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về Pháp”. Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì có sao? Thật vậy, này chư Hiền, các người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người với trí tuệ thể nhập và thấy con đường thâm sâu hướng dẫn đến đích.

(V) (47) Cho Đời Này (1)

1. Rồi du sĩ ngoại đạo Moliyasivaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Moliyasivaka bạch Thế Tôn:

-Pháp là thiết thực hiện tại, Pháp là thiết thực hiện tại, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, pháp là thiết thực hiện tại,

không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

2.- Vậy này Sívaka, ở đây Ta sẽ hỏi Ông; nêu Ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào, này Sívaka? Nội tâm có tham, Ông có biết: “Nội tâm ta có tham”? Nội tâm không có tham, Ông có biết: “Nội tâm ta không có tham”?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sívaka, nội tâm có tham, Ông có biết: “Nội tâm ta có tham”. Nội tâm không có tham, Ông có biết: “Nội tâm ta không có tham”. Như vậy này Sívaka, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Sívaka? Nội tâm có sân...(Như trên)... Ông nghĩ thế nào, này Sívaka? Nội tâm có si, Ông có biết: “Nội tâm ta có si”? Hay nội tâm không si, Ông có biết: “Nội tâm ta không si”?

-Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sívaka, nội tâm có si, Ông có biết: “Nội tâm ta có si”, hay nội tâm không có si, Ông có biết: “Nội tâm ta không si”. như vậy, này Sívaka, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Sívaka? Nội tâm có tham pháp,... hay nội tâm có sân pháp..., hay nội tâm có si pháp..., Ông có biết: “Nội tâm ta có si pháp”?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Hay nội tâm không có si pháp. Ông có biết: “Nội tâm ta không có si pháp”?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sívaka, nội tâm có si pháp, Ông có biết: “Nội tâm ta có si pháp”, hay nội tâm không có si pháp, Ông có biết: “Nội tâm ta không có si pháp. “Như vậy, này Sívaka, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay! ... Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(VI) (48) Cho Đời Này (2)

1. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu?

2.- Vậy này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời; Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn? Nội tâm có tham ái, Ông có biết: “Nội tâm ta có tham ái”? Hay nội tâm không có tham ái. Ông có biết: “Nội tâm ta không có tham ái”?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Này Bà-la-môn, nội tâm có tham ái, Ông có biết: “Nội tâm ta có tham ái”. Hay nội tâm không có tham ái, Ông có biết: “Nội tâm ta không có tham ái. “Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn? Nội tâm ta có si”? Hay nội tâm không có si, Ông có biết: “Nội tâm ta không có si”?

-Thưa có, thưa Tôn giả.

– Này Bà-la-môn, nội tâm có si, Ông có biết: “Nội tâm ta có si.” Hay nội tâm không có si, Ông có biết: “Nội tâm ta không có si.” Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn? Nội tâm có thân uế..., hay nội tâm có khẩu uế... hay nội tâm có ý uế, Ông có biết: “Nội tâm ta có ý uế”? Hay nội tâm không có ý uế, Ông có biết: “Nội tâm ta không có ý uế...”?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Này Bà-la-môn, nội tâm có ý uế, Ông có biết: “Nội tâm ta có ý uế”. Hay nội tâm không có ý uế, Ông có biết: “Nội tâm ta không có ý uế”. Như vậy này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(VII) (49) Khema

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvavatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sumana trú ở Sàvavatthi, tại rừng Andha. Rồi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ

Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Khema bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: “Có người tốt hơn ta” hay “Có người giống như ta” hay “Có người hạ liệt hơn ta”.

Tôn giả Khema nói như vậy, Bậc Đạo Sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Khema nghĩ rằng: “Thế Tôn đã chấp nhận ta”. Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tôn giả Sumana, khi Tôn giả Khema ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: “Có người tốt hơn ta”, hay “Có người giống như ta”, hay “Có người hạ liệt hơn ta”.

Tôn giả Sumana nói như vậy, bậc Đạo Sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Sumana nghĩ rằng: “Thế Tôn đã chấp nhận ta”. Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

2. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana ra đi không bao lâu, liền bảo các Tỷ-kheo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, các thiện nam tử nói lên chánh trí, có nói đến mục đích, nhưng không đề cập đến tự ngã. Tuy vậy, ở đây một số kẻ ngu nói lên chánh trí một cách ngạo mạn đặc chí. Họ về sau rơi vào nguy hại.

*Không thắng, không hạ liệt,
Không ai đồng đẳng Ta,
Những tư tưởng như vậy
Không chi phối các vị.
Sanh khởi đã chấm dứt,
Phạm hạnh được viên thành,
Họ là bỏ kiết sử,
Hoàn toàn được giải thoát.*

(VIII) (50) Các Căn

1. – Với căn không phòng hộ, này các Tỷ-kheo, với người khiếm khuyết phòng hộ các căn, giới đi đến hủy hoại; với giới không có, có ai khiếm khuyết về giới, chánh định đi đến hủy hoại. Với chánh định không có, với ai khiếm khuyết chánh định, tri kiến như thật đi đến hủy hoại. Với tri kiến như thật không có, với ai khiếm khuyết tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến hủy hoại. Với nhàm chán, ly tham không có, với ai khiếm khuyết nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại.

2. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây, với cành và lá khiếm khuyết, thời các chồi non không đi đến viên mãn, vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn không phòng hộ, với người khiếm khuyết phòng hộ các căn... giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại.

3. Với các căn được phòng hộ, này các Tỷ-kheo, với người đầy đủ các căn được phòng hộ, giới đi đến đầy đủ. Với giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ. Với chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Với tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến đầy đủ. Với nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá đầy đủ, thời chồi non đi đến viên mãn, vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn được phòng hộ, với người đầy đủ phòng hộ các căn, giới đi đến đầy đủ... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

(IX) (51) Ananda

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda thưa với Tôn giả Sàriputta:

2. – Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo nghe pháp trước kia chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn, còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết?

– Tôn giả Ananda là vị nghe nhiều, Tôn giả hãy nói lên!

– Vậy thưa Hiền giả Sàriputta, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói!

– Thừa vâng, hiền giả.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau:

3. – Ở đây, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo học thông suốt pháp, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bản sanh, Vị tăng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Vị ấy thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy khiến cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy tụng đọc pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều, được trao truyền các tập Agama, bậc Trì pháp, Trì luật, Trì toát yếu, tại các chỗ ấy, vị ấy an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các Tôn giả ấy; sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: “Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì? “Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các Tôn giả ấy giải thích các sự nghi ngờ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn, còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết.

4. – Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Khéo nói cho đến như vậy, chính là điều đã được Tôn giả Ananda nói lên. Và chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Ananda đã được thành tựu sáu pháp:

5. Tôn giả Ananda học thông suốt pháp, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bản sanh, Vị tăng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Tôn giả Ananda thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ananda khiến cho các người khác nói lên pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ananda tụng đọc pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt. Tôn giả Ananda với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Tôn giả Ananda, tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều, được trao truyền các tập Agama, bậc Trì pháp, Trì luật, Trì toát yếu, tại các chỗ ấy, Tôn giả Ananda an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các vị ấy, sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: “Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này

là gì? “Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ.

(X) (52) Vị Sát Đế Ly

1. Rồi Bà-la-môn Jànussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jànussoni bạch Thế Tôn:

2. – Đối với Sát-đế-ly, thưa Tôn giả Gotama, vị ấy mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Sát-đế-ly, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, sức mạnh là điểm tựa, xu hướng là trái đất, cứu cánh là tự tại.

– Nhưng đối với Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Bà-la-môn, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, chú thuật là điểm tựa, tế tự là xu hướng, cứu cánh là Phạm thiên giới.

– Nhưng đối với gia chủ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với gia chủ, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là xu hướng, thành tựu công việc là cứu cánh.

– Nhưng đối với nữ nhân, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với nữ nhân, này Bà-la-môn, đàn ông là mong muốn, trang điểm là cận hành, điểm tựa là con cái, không có địch thù là xu hướng, tự tại là cứu cánh.

– Nhưng đối với người ăn trộm, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với người ăn trộm, này Bà-la-môn, đồ lấy được là mong muốn, rừng rậm là cận hành, đao trượng là điểm tựa, tối tăm là xu hướng, không bị thấy là cứu cánh.

– Nhưng đối với Sa-môn, thừa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Sa-môn, này Bà-la-môn, hẳn nhục nhu hòa là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là xu hướng, Niết-bàn là cứu cánh.

3. – Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả Gotama. Thật hy hữu thay, thừa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng và cứu cánh của các Sát-đế-ly, Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng, cứu cánh của các Bà-la-môn... của các gia chủ... của các nữ nhân... của các người ăn trộm... của các Sa-môn. Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả Gotama! ... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung con xin trọn đời quy ngưỡng!

(XI) (53) Không Phóng Dật

1. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

2. – Có một pháp nào, thừa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai?

– Có một pháp, này Bà-la-môn, được tu tập, được làm cho sung mãn bao trùm và an trú hai lợi ích: lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai.

– Một pháp ấy là gì, thừa Tôn giả Gotama được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai?

3. – Không phóng dật, này Bà-la-môn là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, bao trùm và an trú hai lợi ích: lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, phàm có những dấu chân của các loại bộ hành nào, tất cả dấu chân ấy đều được thấm nhiếp trong dấu chân voi. Dấu chân voi được gọi là tối thắng trong các dấu chân ấy, cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, bao trùm và an trú hai lợi ích: lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như này Bà-la-môn, trong một ngôi nhà có nóc nhọn, tất cả rui kèo đều hướng về nóc nhọn, thiên về nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, nóc nhọn được gọi là tối thắng trong các vật ấy. Cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật... Ví như, này Bà-la-môn, người cắt cỏ, trong

khi cắt cỏ, sau khi túm lấy đầu các ngọn cỏ, liền lừa cỏ qua lại, vặt cỏ lên xuống và đập cỏ. Cũng vậy, này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, nhánh cây có chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng vậy, này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, phàm có các tiểu vương nào, tất cả đều tùy thuộc vua Chuyển Luân. Vua Chuyển Luân được gọi là tối thắng trong các vị vua ấy. Cũng vậy, này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, ánh sáng của các vì sao, tất cả ánh sáng các ngôi sao không bằng giá trị một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng của mặt trăng được gọi là tối thắng trong tất cả ánh sáng. Cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, bao trùm và an trú hai lợi ích: lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Đây là một pháp, này Bà-la-môn, được tu tập, được làm cho sung mãn, bao trùm và an trú hai lợi ích: lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! ... Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(XII) (54) Dhammika

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại núi Gijjhakūṭa (Linh Thứu).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Dhammika trú tại chỗ sanh trưởng của mình và có tất cả bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng ấy. Tại đấy, Tôn giả Dhammika đối với các khách Tỷ-kheo, mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, khiến họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, khiến họ tức giận, liền bỏ đi, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng, suy nghĩ như sau: “Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo Tăng các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?” Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: “Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi chỗ khác.” Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn

giả Dhammika; sau khi đến, thưa với Tôn giả Dhammika: “Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này. Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi.”

2. Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một trú xứ khác. Tại đây, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với các lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với các lời nói, liền bỏ đi, không an trú, và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: “Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?” Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: “Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi đến chỗ khác”. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, thưa với Tôn giả Dhammika: “Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này. Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi”.

3. Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một xứ khác. Tại đây, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm tức giận với lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với lời nói, liền bỏ đi, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: “Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?” Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: “Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika rời bỏ hoàn toàn bầy trú xứ tại chỗ đất sanh trưởng”. Rồi các cư sĩ tại chỗ đất sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, nói với Tôn giả Dhammika: “Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy rời bỏ hoàn toàn bầy trú xứ tại chỗ đất sanh trưởng”.

4. Rồi Tôn giả Dhammika suy nghĩ: “Ta đã bị các cư sĩ tại chỗ đất sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ đất sanh trưởng. Nay ta sẽ đi tại chỗ nào? Ta hãy đi đến Thế Tôn”. Rồi Tôn giả Dhammika cầm y bát, ra đi, hướng đến Ràjagaha (Vương Xá), dần dần đi đến núi Gijjhakùta (Linh Thứu) tại Ràjagaha; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Dhammika đang ngồi xuống một bên:

– Nay Bà-la-môn Dhammika, Ông đi từ đâu đến?

– Bạch Thế Tôn, con bị các cư sĩ tại chỗ đất sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ đất sanh trưởng!

– Thôi vừa rồi, này Bà-la-môn Dhammika! Sự việc này, đối với Ông có hề hấn gì! Dầu họ có mời Ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, chỗ ấy, Ông đã đi đến gần Ta!

5. Trong quá khứ, này Bà-la-môn Dhammika, các nhà buôn đường biển đem theo một con chim để tìm bờ, khi họ đi tàu ra biển. Khi chiếc tàu ra xa, không thấy bờ, họ thả con chim đi tìm bờ. Con chim bay về hướng Đông, bay về hướng Tây, bay về hướng Bắc, bay về hướng Nam, bay về hướng Trên, bay về hướng Gió. Nếu nó thấy bờ xung quanh, nó liền bay luôn. Nếu nó không thấy bờ xung quanh, nó bay trở lui về tàu. Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, dầu họ có mời Ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, chỗ ấy, Ông đã đi đến gần Ta.

6. Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, vua Koravya có một cây bàng chúa tên là Suppatittha, cây này có năm cành, có bóng mát dịu, rất là khả ý. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha tỏa rộng ra đến mười hai do tuần, các rễ mọc lan rộng đến năm do tuần. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha có những trái cây to lớn, lớn như những cái nồi con; những trái cây ngọt lịm như vậy, trong sáng và ngọt như mật ong. Này Bà-la-môn Dhammika, vua với các cung nữ hưởng thụ một cành cây của cây bàng chúa Suppatittha; quân đội hưởng thụ một cành; các Sa-môn, Bà-la-môn hưởng thụ một cành; các loài thú, loài chim hưởng thụ một cành. Này Bà-la-môn Dhammika, không có ai phòng hộ các trái của cây bàng chúa Suppatittha, và không có ai hại nhau vì trái cây. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, một người sau khi đã ăn hết cho đến thỏa thích những trái của cây bàng chúa Suppatittha, liền bẻ gãy một cành rồi bỏ đi. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, vị Thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha suy nghĩ như sau: “Thật là vi diệu, thừa

Tôn giả! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả, con người lại ác cho đến như vậy! Sau khi ăn cho đến thỏa thích các trái của cây bàng chúa Suppatittha, lại bẻ một cành rồi bỏ đi! Vậy cây bàng chúa Suppatittha hãy đừng sanh trái nữa trong tương lai! “Rồi này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa trong tương lai. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, vua Koravya đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, thưa với Thiên chủ Sakka: “Tôn giả có biết không? Cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa! “Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông, khiến cho mưa to gió lớn khởi lên, làm cây bàng chúa Suppatittha ngã xuống và bật gốc rễ. Nay Bà-la-môn Dhammika, vị Thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên. Nay Bà-la-môn Dhammika, rồi Thiên chủ Suppatittha đi đến vị Thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha, sau khi đến, nói với vị Thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha như sau:

“- Vì sao, này vị Thiên kia, Ông lại khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên?

“- Thưa Tôn giả, có cơn mưa to gió lớn khởi lên, và làm cho chỗ trú xứ của con bị ngã xuống và bật gốc rễ lên.

“- Nay vị Thiên kia, có phải Ông đang gìn giữ cây pháp, nhưng cơn mưa to lớn ấy khởi lên, làm trú xứ của Ông bị ngã xuống và bật gốc rễ lên?

“- Làm thế nào, thưa Tôn giả, một cây... được gìn giữ như một cây pháp?

“- Ở đây, này vị Thiên kia, những người cần rễ đến lấy rễ cây đi, những người cần vỏ đến lấy vỏ cây đi. Những người cần lá đến lấy lá đi. Những người cần bông đến lấy bông đi. Những người cần trái đến lấy trái đi. Như vậy, không có gì để khiến cho một vị Thiên phải không hoan hỷ, không vui vẻ. Như vậy, là một cây được gìn giữ như một cây pháp.

“- Thưa Tôn giả, con không gìn giữ một cây pháp, khi cơn mưa to lớn ấy khởi lên, làm chỗ trú xứ của con ngã xuống và bật gốc rễ lên!

“- Nay vị Thiên kia, nếu Ông gìn giữ cây pháp, thời trú xứ của Ông sẽ trở lại như xưa.

Thưa Tôn giả, con sẽ gìn giữ cây pháp, mong rằng trú xứ của con trở lại như xưa.

Rồi Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông khiến cho mưa to gió lớn đến dừng đứng lại cây bàng chúa và chữa lành những rễ cây.

Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, Ông có gìn giữ Sa-môn pháp, khi các người cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời Ông đi khỏi bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng không?

– Như thế nào, thưa Tôn giả, là một Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp?

– Như thế này, này Bà-la-môn Dhammika, ở đây, một Sa-môn không có mắng nhiếc lại người đã mắng nhiếc mình, không có tức giận người đã tức giận mình, không có quở trách người đã quở trách mình. Như vậy, này Bà-la-môn Dhammika, là vị Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp.

– Thưa Tôn giả, con không gìn giữ Sa-môn pháp khi những người cư sĩ ở tại chỗ sanh trưởng mời con đi khỏi hoàn toàn bảy trú xứ trong chỗ được sanh trưởng.

7. – Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có một ngoại đạo sư tên là Sunetto (Diệu Nhân) đã viễn ly các dục. Này Bà-la-môn Dhammika, ngoại đạo sư Sunetto có hàng trăm đệ tử. Ngoại đạo sư Sunetto thuyết pháp về cộng trú tại Phạm thiên giới cho các người đệ tử. Những ai nghe ngoại đạo sư Sunetto thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, này Bà-la-môn Dhammika, tâm không được hoan hỷ, các người ấy sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những ai, này Bà-la-môn Dhammika, nghe ngoại đạo sư Sunetto thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, tâm được hoan hỷ, các người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có ngoại đạo sư tên là Mugapakkha... có ngoại đạo sư tên là Aranemi... có ngoại đạo sư tên là Kuddālaka... có ngoại đạo sư tên là Hatthipāla... có ngoại đạo sư tên là Jotipāla đã viễn ly các dục... được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viễn ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy có sanh khởi ra nhiều vô phước không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

8. – Thật vậy, này Bà-la-môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viễn ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, có sanh khởi ra nhiều vô phước. Còn ai,

đối với vị đầy đủ chánh kiến, với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy
sinh khởi ra nhiều vô phước hơn nữa. Vì có sao? Ta tuyên bố rằng, này
Bà-la-môn Dhammika, sự tổn hại đối với các ngoại đạo sư như vậy không bằng
sự tổn hại nếu đối xử với các vị đồng Phạm hạnh. Do vậy, này các Bà-la-môn
Dhammika, cần phải học tập như sau:

9. Chúng tôi sẽ không có tâm uế nhiễm đối với vị đồng Phạm hạnh”. Này
Bà-la-môn Dhammika, các Ông cần phải học tập như vậy.

*Các vị Bà-la-môn,
Như Sư Sunetto,
Sư Mugapakkha,
Và Aranemi,
Sư Kuddalaka,
Và Hatthipàla,
Sư Jotipàla,
Và Sư Govinda,
Là quốc sư thứ bảy.
Sáu Sư bạn vị này,
Là những vị danh tiếng,
Quá khứ không hại ai,
Thoát hôn hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,
Thoát ly tham ái dục,
Đạt được Phạm thiên giới.
Và các hàng đệ tử,
Con số lên hàng trăm,
Thoát hôn hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,
Thoát ly tham ái dục,
Đạt được Phạm thiên giới.
Ấn sĩ ngoại đạo ấy,
Ly tham, tâm Thiền định,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai mắng nhiếc họ,
Người như vậy tạo ra,
Rất nhiều sự vô phước.
Đối một đệ tử Phật,*

*Tỷ-kheo có chánh kiến,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai mắng vị ấy,
Người như vậy tạo ra,
Nhiều vô phước hơn nữa
Chớ phật lòng bậc thiện,
Hãy từ bỏ kiến xứ,
Tối thượng trong Thánh chúng,
Vị ấy được gọi vậy.
Ai chưa ly các dục,
Năm căn còn mềm dịu,
Tín, niệm và tinh tấn,
Với chỉ và với quán,
Nếu phật ý vị ấy,
Trước hết tự hại mình,
Sau khi tự hại mình,
Lại hại đến người khác,
Ai tự bảo vệ mình,
Bề ngoài cũng bảo vệ,
Do vậy, bảo vệ mình,
Bậc trí không tổn hại.*

Thành kính tri ân công lao to lớn của [Hòa thượng Thích Minh Châu](#)
đã dịch Việt từ nguyên bản tiếng Pali [5 bộ Kinh Nikaya](#) - văn bản đáng tin cậy
nhất lưu giữ những lời dạy gốc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

*Tổng hợp - so sánh - chọn lọc từ nhiều nguồn uy tín: kinh sách, sách in, các trang mạng, ...
Xin được cảm ơn và tri ân tất cả những cá nhân đã cống hiến thời gian, công sức, của cải,
tâm huyết để thu thập, đánh máy, ghi âm, lưu trữ, ấn tống và chia sẻ miễn phí
những tư liệu quý giá này.*

[ĐỌC, NGHE, TẢI VỀ KINH TĂNG CHI BỘ](#)

(TRỌN BỘ 11 CHƯƠNG - KHOẢNG 2.308 BÀI KINH)